

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HC-PT

Ngày: 27 - 12 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Y Phi Kbuôr;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 09/2022/TLPT-HC ngày 10/11/2022, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST, ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2022/QĐ-PT ngày 22/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐ-PT ngày 15/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Như H - Sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk;

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Trần Văn T1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk; địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung như sau:***

Năm 1996, ông Nguyễn Văn T cùng với bà Lữ Thị K (V) đã khai hoang chung lô đất tại thôn H, xã C; ngày 25/6/1996, bà K và ông T lập giấy phân chia đất và phần đất chia cho ông T có tứ cận: Phía đông giáp đất ông T2; phía Tây giáp đất bà K; phía Nam giáp rừng Dầu; phía Bắc giáp đường cầu đất (đường liên xã hiện nay); ngày 20/10/1997, ông T nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Văn T2 lô đất mặt đường dài 30m, sâu 60m, diện tích khoảng 2.000m²; ngày 20/4/1999, ông T nhượng lại cho ông Nguyễn Văn D khoảng 2/3 diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông T2. Diện tích đất còn lại của ông T khoảng 3.000m² (gồm đất khai hoang và đất nhận chuyển nhượng). Ngày 20/4/2021, ông T ủy quyền cho ông Nguyễn Như H liên hệ nộp hồ sơ đăng ký đất đai tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với diện tích đất này.

Ngày 25/5/2021, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã C ban hành Công văn số 15/TB-UBND, về việc trả lời đơn đề nghị của công dân, với nội dung: UBND xã từ chối việc đăng ký cấp giấy chứng nhận diện tích của ông Nguyễn Văn T, với lý do: Diện tích đất do UBND quản lý (đất 132) và diện tích đất này chưa được kê khai đăng ký, không có số hiệu thửa đất trên sổ sách, tình trạng tranh chấp đất do UBND xã quản lý ổn định, không tranh chấp.

Theo quy định tại Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 25/4/2014 của Chính phủ, thì việc UBND xã Cư E ban hành Công văn số 15/TB-UBND, ngày 25/5/2021, là không đúng và đã vi phạm trình tự, thủ tục hành chính về đăng ký đất đai, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông Nguyễn Văn T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã C là trái pháp luật và buộc UBND xã C phải thực hiện việc tiếp nhận, lập thủ tục hoàn tất hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho gia đình ông T.

****/ Tại bản khai và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện trình bày có nội dung như sau:***

Sau khi nhận đơn xin đăng ký cấp đất lần đầu của ông Nguyễn Văn T, đối với diện tích đất tại thôn H, xã C, UBND xã C đã kiểm tra hồ sơ, sổ sách lưu và trên bản đồ, thì thấy diện tích đất mà ông T xin đăng ký có nguồn gốc trước đây được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho Lâm trường E quản lý. Đến năm 2003, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi và bàn giao cho UBND huyện E quản lý theo Quyết định số 2107

ngày 04/7/2003 và Quyết định số 2355 ngày 24/7/2003. Diện tích đất này nằm trong tờ bản đồ số 54, thửa đất số 106, được UBND tỉnh phê duyệt, quy hoạch cho phép chuyển đổi, lập phương án giải quyết giao đất cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ theo Quyết định số 132 của Chính Phủ. Diện tích đất này từ trước đến nay không thấy ông T hoặc cá nhân nào đăng ký kê khai trên hồ sơ sổ sách địa phương lưu tại UBND xã và ông T không cung cấp được tài liệu nào chứng minh diện tích đất này ông T được Lâm trường E giao hoặc được UBND xã EO trước đây xác nhận là đất của ông T.

Quá trình xác minh các hộ dân sinh sống trên khu vực đất ông T xin đăng ký, UBND xã tổ chức xét duyệt, lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn đăng ký cấp quyền sử dụng đất của xã. Kết quả thể hiện ông T không có dấu hiệu canh tác hoặc sử dụng đất trên như ông T đã trình bày; từ trước đến khi xin đăng ký cấp lần đầu, ông T không sử dụng phần diện tích đất này, nên không thuộc đối tượng được cấp theo quy định của Luật đất đai. Căn cứ Điều 100 và Điều 101 Luật đất đai, UBND xã C đã từ chối việc cấp diện tích đất này cho ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định, nên UBND xã C đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

****/ Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định:***

Áp dụng Điều 30, Điều 31, Điều 115 và Điều 116 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T “Về việc khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã C không chấp nhận lập thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông báo số 15/TB-UBND ngày 25/5/2021 của UBND xã C”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2022 ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử không khách quan và không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông T; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND xã C hoàn tất hồ sơ đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung, ông Nguyễn Văn T cho rằng diện tích đất kê khai do ông khai hoang và nhận chuyển nhượng của người khác, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, nên trình bày của ông T là không có cơ sở chấp nhận. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định nguồn gốc đất mà ông Nguyễn Văn T kê khai xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do Lâm trường E sử dụng, sau đó được thu hồi chuyển cho UBND huyện E quản lý. Do đó UBND xã C từ chối đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là đúng pháp luật, nên kháng cáo của ông T là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với người đại diện theo pháp luật của người bị kiện UBND xã C, huyện E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Quy định về nộp hồ sơ và trình tự, thủ tục đăng ký đất đai:

Tại khoản 2 Điều 60 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai, về nộp hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đất đai, quy định như sau: “...*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả*”.

Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, như sau:

“1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định để làm thủ tục đăng ký.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam đề nghị đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc sau:

a) Trường hợp đăng ký đất đai thì xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký; trường hợp không có giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này thì xác nhận nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch...;

b) Trường hợp chưa có bản đồ địa chính thì trước khi thực hiện các công việc tại Điểm a Khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có);

c) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai.”

Đồng thời, theo nội dung được quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính (được sửa đổi tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk, về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quy định về thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu như sau: Người sử dụng đất lựa chọn nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì Bộ phận một cửa cấp xã nơi có đất cử công chức tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, UBND cấp xã có trách nhiệm thực hiện kiểm tra hồ sơ, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở UBND cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Như vậy, theo quy định trên, khi ông Nguyễn Văn T nộp hồ sơ, làm thủ

tục đăng ký đất đai, thì UBND xã C có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, xác nhận hiện trạng sử dụng đất so với nội dung kê khai đăng ký, niêm yết công khai kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng đất trong thời hạn theo quy định. Sau đó, hoàn thiện hồ sơ và gửi hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E để kiểm tra, xác minh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chỉ có Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện E và UBND huyện E mới có thẩm quyền xác nhận ông T đủ điều kiện hay không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc từ chối việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn UBND xã C không có thẩm quyền này.

Do đó, việc UBND xã C không thực hiện hành vi hành chính xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất tại hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, mà ban hành Công văn số 15/TB-UBND ngày 25/5/2021, là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm không xem xét trình tự, thủ tục quy định về tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai và thẩm quyền của UBND cấp xã, mà lại đánh giá về nguồn gốc đất và bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở và không đúng.

Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T và sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện; tuyên bố hành vi hành chính của UBND xã C, về việc không xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, là trái pháp luật; hủy Công văn số 15/TB-UBND ngày 25/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, về việc trả lời đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T và buộc Ủy ban nhân dân xã C phải thực hiện hành vi hành chính xác nhận vào hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T theo đúng quy định pháp luật.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn T chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.70.000 đồng, xét thấy ý kiến của người khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp (đã thực hiện và chi phí xong).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên UBND xã C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật; người khởi kiện ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 241, Điều 348, Điều 349, Điều 366 và Điều 367 của Luật Tổ tụng hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 60; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính (được sửa đổi tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017);

Áp dụng: Điều 32, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

1. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc không xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T, đối với diện tích 3.000m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là trái pháp luật.

2. Hủy Công văn số 15/TB-UBND ngày 25/5/2021, về việc trả lời đơn đề nghị của công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Buộc Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải thực hiện hành vi hành chính xác nhận hồ sơ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 3.000m² thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 54, tọa lạc tại thôn H, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo đúng quy định pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T chấp nhận chịu

toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.70.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp (đã thực hiện và chi phí xong).

5. Về án phí:

5.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 60AA/2021/0006051, ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Người kháng cáo ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ông Nguyễn Như H nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2021/0020270, ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 3);
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện E;
- TAND huyện Ea Kar;
- UBND huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình